

Sát tường kê một chiếc tủ kính thấp để đựng cốc chén, bên cạnh có một cái tủ nhỏ đựng sách báo. Trên tường treo bốn bức tranh sơn thủy lồng trong khung kính. Phía trên tủ sách treo một cái đồng hồ quả lắc và một tấm lịch.

Trong căn phòng nhỏ hẹp ấy, cha mẹ em tiếp khách. Đôi khi có một vài ông bạn già của cha em đến chơi. Các cụ ngồi nói chuyện suông với nhau suốt một hai giờ đồng hồ. Cũng ở phòng ấy, tối đến chúng em học bài dưới ngọn đèn ống sáng xanh.

Mỗi buổi sáng, mấy chị em thay phiên nhau lau bàn ghế, lau nền nhà cho sạch-sẽ.

BÀI 10

Tả bàn thờ của nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Bàn thờ của nhà em đặt ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Bàn thờ bằng gỗ gì ? Sơn màu gì ? Dài, rộng, cao độ bao nhiêu ?
- b) Trên bàn thờ bày những gì ? Tả cái khung ảnh.
- c) Các đồ thờ có những gì ? (Đồ bằng gỗ — Đồ bằng sứ).
- d) Gặp ngày giỗ tết, trên bàn thờ đèn nến thế nào ? Lễ vật có những gì ?

KẾT-LUẬN : a) Đối với bàn thờ cha mẹ em tỏ ý thế nào ?
b) Trông lên bàn thờ em có cảm-tưởng gì ? Tại sao ?

BÀI LÀM

Bàn thờ tỏ tiên của nhà em lập ở phòng khách. Vì nhà cửa chật hẹp nên bàn thờ cũng thu nhỏ lại nhiều lắm.

Đó là hai mảnh gỗ gõ ghép lại thành tấm ván hình chữ nhật, dài độ hai thước, rộng độ bảy mươi phân. Dưới tấm ván ấy có ba cái chân gỗ đóng chặt vào tường. Cái bàn thờ được sơn màu gụ.

Giữa bàn thờ, sát tường đặt cái khung ảnh có chân-dùng ông nội em. Cái khung ảnh ấy được phủ bằng cái khăn lụa màu hồng. Hai bên khung ảnh bày hai lọ hoa bằng thủy-tinh.

Trước bức ảnh là cái bát hương bằng sứ vẽ hình hai con rồng châu mặt trắng. Ngoài cùng là bộ tam-sự bằng đồng chạm trở ú-mi. Hai bên bàn thờ, một đôi câu đối chữ nhỏ viết vào giấy đỏ, mua trong dịp tết Nguyên-đán âm-lịch. Những ngày giỗ tết, trên bàn thờ đèn nến đốt sáng trưng, khói hương bay nghi-ngút. Mùi hương, mùi hoa thơm ngát.

Đối với bàn thờ tổ-tiên, cha mẹ em tỏ vẻ kính-cân lắm. Trong những ngày cúng lễ, nhìn lên bàn thờ em lại nhớ đến câu : « Con người có tổ có tông, như cây có gốc như sông có nguồn ».



BÀI 11

Tả cái đồng hồ đeo tay của anh em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào anh em có cái đồng hồ đeo tay ? Mua đã lâu chưa ? Hiệu gì ?

THÂN BÀI :

- a) Cái đồng hồ hình gì ? To bằng cái gì ? Dây hay móng ?
- b) Vỏ đồng hồ bằng gì, sắc gì ? Nhấn hay ráp ?
- c) Mặt kính thế nào ? Mặt đồng hồ sắc gì ? Chữ số thế nào ?
- d) Có mấy cái kim ? Sắc gì ? Khác nhau thế nào ? Công-dụng thế nào ? Ghé tai vào đồng hồ nghe thấy gì ?
- e) Dây đồng hồ thế nào ? Bằng gì ? Dây dính vào đồng hồ bởi dầu ?
- g) Lăn dây đồng hồ em làm thế nào ?
- h) Mở vỏ ra thấy gì ? Máy bằng gì ? Bánh xe có gì ? Nhỏ hay to ? Đặc-biệt là cái dây-coi thế nào ?

KẾT-LUẬN : a) Anh em giữ-gìn cái đồng hồ thế nào ?
b) Cái đồng hồ ích-lợi gì cho anh em ?

BÀI LÀM

Anh em mới trúng tuyển vào Đại-hải trường trung-học Chu-văn-An. Ba em thưởng cho anh em một chiếc đồng hồ đeo tay hiệu « Couper ».

Chiếc đồng-hồ ấy nhỏ bằng đồng hai hào và dày hơn một chút. Vỏ đồng-hồ bằng thép mạ kền bóng loáng. Dưới mặt kính trong suốt là mặt đồng hồ trắng tinh. Trên đó nổi bật lên mười hai chữ số bằng đồng có điểm dạ-quang xanh nhạt. Hai chiếc kim nhỏ xiu cũng sơn dạ-quang, chiếc dài chỉ phút, chiếc ngắn chỉ giờ. Chiếc kim thứ ba chỉ giây màu đỏ. Cái kim đỏ chuyển đi một gạch li-ti thì tiếng « tách-tách » lại gõ nhịp theo.

Cái dây ni-lông đen láy buộc chặt vào đồng-hồ. Đầu đồng-hồ có cái núm nhỏ ram-ráp để lên giây. Sáng nào, đúng sáu giờ, anh em lại vặn cái núm ấy cho máy chạy đều. Mỏ vỏ đồng-hồ ra xem Cả một bộ máy bằng thép trắng tinh. Những cái bánh xe mỏng dính ăn khớp với cái dây-cốt nhỏ bằng sợi tóc.

Anh em giữ-gìn cái đồng-hồ ấy cẩn-thận lắm. Vừa về đến nhà là anh treo đồng-hồ lên cái đinh đóng ở đầu cột nhà. Ngày nào anh cũng lấy miếng vải mỏng lau đồng-hồ cho sạch bụi.

Đã có cái đồng-hồ trong tay, ở lớp học cũng như ở nhà, anh em làm bài, học bài được dùng giờ.



BÀI 12

Tả cái xe đạp của anh em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào anh em đã mua được cái xe đạp ? Hiện giờ ? Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

- a) Khung xe bằng gì ? Sơn màu gì ? Mới hay cũ ?
- b) Tay lái bằng gì ? Màu gì ? Hình thế nào ?
- c) Dây phanh thế nào ? Đinh liền vào đâu ? Khi dùng xe thì dây phanh thế nào ?
- d) Yên xe bằng gì ? Tại sao phải có lò-xo ?
- e) Hai bánh xe hình gì ? Đũa thế nào ? Vỏ bằng gì ? Sắc gì ? Ruột sắc gì ?
- g) Bàn đạp, đĩa, dây xích dính với nhau thế nào ?
- h) Cái chắn bùn thế nào ?

- l) Cái đèn bằng thế nào ?
- k) Ngồi lên yên xe, hai tay làm gì ? Hai chân làm gì ? Bánh xe chuyển thế nào ?
- l) Khi nào bấm chuông ? Tiếng chuông thế nào ?
- m) Ích-lợi của cái xe đạp được được bao lâu ?

KẾT-LUẬN : Anh em giữ-gìn cái xe đạp thế nào ? (Lau chùi — Sửa chữa).

BÀI LÀM

Vì nhà ở xa trường nên cha em đã mua cho anh em một chiếc xe đạp. Đó là một chiếc xe nội-hóa, hiệu « Parker » là hai ngàn đồng.

Khung xe bằng sắt, sơn màu xanh sẫm. Phía trên khung là chiếc tay lái bằng nhôm trắng sáng loáng, hình chữ U in. Dưới tay lái là cái dây phanh bằng thép quấn nhựa xanh, nối liền với vành xe. Giữa khung xe là yên xe bằng cao-su, dưới có lò-xo ngồi êm lắm. Hai bánh cao-su đỡ ăn khớp vào đôi vành bằng nhôm sáng óng ánh. Những chiếc đĩa còn mới tinh xoe ra như hình nan quạt. Hai bánh xe được che bằng hai cái chắn bùn bằng nhôm, cong như cái mang nước. Trên hai cái chắn bùn, phía trước và phía sau cắm hai cái đèn bóng bằng kính đỏ. Bàn đạp xe chuyển bánh, ánh đèn đỏ lóe lên lau hiệu cho khách đi đường.

Dắt xe ra khỏi nhà, anh em sẽ ngồi lên yên xe, hai tay giữ lái, hai chân đạp vào bàn đạp. Dây xích chuyển động và kéo bánh sau. Cứ thế chiếc xe tiến đều đều. Mỗi khi muốn xuống, hai tay anh sẽ bóp vào phanh, chiếc xe dừng lại. Gấp chỗ đồng người, anh bấm chuông « keng keng » báo hiệu.

Từ ngày có xe đạp, anh em đi học đúng giờ mà không vội-vã. Đi xe đạp lại ung-dung, êm-à, không sợ nguy-hiêm như xe gấu máy.

Anh em giữ cái xe đạp rất cẩn-thận. Chủ-nhật nào anh cũng lau xe cho sạch-sẽ. Bơi vậy, dùng đã nửa năm rồi mà cái xe đạp của anh vẫn còn mới tinh.



BÀI 13

Tả cái tủ quần áo của nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái tủ áo của nhà em kê ở đâu ? Cũ hay mới ?

THÂN BÀI :

- a) Tủ bằng gỗ gì ? Đánh màu gì ?
- b) Tủ có mấy buồng ? Hai buồng có cao đều nhau không ? Cao, rộng, sâu độ bao nhiêu ?
- c) Có mấy cánh ? Hai cánh khác nhau thế nào ? Có gì đẹp ?
- d) Có mấy khóa ? Khóa thế nào ? Nám bằng gì ? Màu gì ? Nám đề làm gì ?
- e) Mỗi buồng có mấy ngăn ? Khác nhau thế nào ? Mỗi buồng đựng gì ?
- g) Ngăn kéo thế nào ? Đựng gì ?
- h) Chân tủ thế nào ? Tại sao phải chắc-chắn ?
- ì) Trên nóc tủ bày cái gì ? Bền cao ? Bền thấp ?
- k) Khi mở tủ phát làm thế nào ? Tại sao ?

KẾT-LUẬN : Mẹ em giữ-gìn cái tủ thế nào ? Tại sao ?

BÀI LÀM

Cái tủ đựng quần áo của nhà em kê ở buồng ngủ, sát vào tường.

Tủ bằng gỗ gỗ, sơn màu nâu sẫm. Tủ có hai buồng. Buồng bên phải cao độ hai thước, rộng độ sáu mươi phân, sâu độ năm mươi phân. Buồng bên trái thấp hơn đến bốn chục phân. Thay vào chỗ thấp ấy, là một mảnh gỗ mỏng hình cánh cung. Trên mảnh gỗ ấy, đặt một cái máy truyền-thanh nhỏ-nhỏ vừa gọn. Hai cánh tủ là phần mỹ-thuật nhất. Cánh bên trái là tấm kính to sáng quắc, lồng vào khung cửa. Cánh bên phải ngắn hơn, khum-khum mai luyện, nhẵn thín; bóng như gương, vân gỗ nổi bật lên. Mỗi cánh tủ có một cái khóa bằng đồng đóng chìm vào gỗ. Trên cái khóa có cái núm bằng đồng mạ kền bóng loáng, dễ mở tủ được dễ-dàng.

Buồng bên phải treo áo dài và quần áo tây của cha em. Buồng bên trái có năm ngăn nhỏ. Mỗi ngăn dành cho một

người đựng quần áo cộc. Phía dưới buồng bên trái có một ngăn kéo đựng đồ lật-vật : thuốc đánh giầy, bàn chải quần áo, v.v...

Chân tủ cao độ ba mươi phân, giống hình cái tam sơn, vừa đẹp mắt vừa vững chắc.

Mẹ em quý cái tủ áo lắm. Sáng nào người cũng lau tủ bằng mảnh vải cũ mềm. Cánh cửa tủ được mở, đóng nhẹ-nhàng cho khỏi gãy mộng. Bởi vậy, cái tủ dùng đã năm sáu năm rồi mà vẫn đẹp như mới. Có cái tủ ấy mà mấy chục cái áo quần được xếp đặt gọn-gàng và kín-dáo, khỏi bị chuột, gián cắn hại.

Em qui cái cặp sách bao nhiêu thì mẹ em qui cái tủ áo bấy nhiêu.



BÀI 14

Tả cái bút máy

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhân dịp nào em có cái bút máy ? Ai cho em ?

THÂN BÀI :

- a) Cái bút máy bằng gì ? Dài độ mấy phân ? Màu gì ?
- b) Các bộ-phần : Quấn — Ruột — Ngòi — Nấp.
- c) Lúc lấy mực.
- d) Lúc viết.
- e) Tiếp-lợi.
- g) Giữ-gìn.

KẾT-LUẬN : Em thích cái bút máy. Đẹp và tiện. Giữ lâu đề làm kỷ-niệm.

BÀI LÀM

Nhân dịp tết Nguyên-dán ta, bác em ở Huế về chơi với cha em. Bác em cho em một cái bút máy.

Tay cầm cái bút máy, lòng em sướng quá như run lên vì cảm động. Mắt nhìn chòng-chọc. Trước mặt em, lúc đó, thật không có gì đẹp hơn cái bút máy. Thân quần bút bằng nhựa màu xanh biếc bóng loáng. Quấn dài chừng mười lăm phân. Ngay giữa hiện lên rõ-rang chữ « Pilot » vừa gọn vừa đẹp.

Em sẽ vận, quản bút rời ra làm hai phần: thân bút và nắp bút. Thân bút có hai đầu. Một đầu có cái cổ ngắn ngắn nối liền với cái ống cao-su nhỏ và đen để chứa mực. Đầu kia có ngòi bút mạ vàng bóng óng-ánh, gắn liền với lưỡi gà có khía nhỏ để mực chảy ra đều-dều. Viết xong, em cầm ngòi bút vào cái nắp bằng đồng mạ vàng. Trên nắp có cái cặp để gài bút vào miệng túi. Lúc hết mực, em chỉ việc cuộn tròn ống cao-su rồi cầm ngòi vào lọ mực, buông tay ra là mực vào đầy ống.

Khi viết, ngòi bút đưa lia-lịa trên mặt giấy nhẵn. Mỗi ống mực viết hàng tuần mới hết, thành thử có cái bút máy vừa khỏi phí thì giờ lấy mực, vừa tránh được cả mực làm bẩn vào quần áo.

Cái bút máy thật là vật báu của em. Em lau-chùi luôn cho nó đẹp-dẽ. Em giữ sao cho nó khỏi bị rơi xuống đất. Viết xong, em để cái bút máy vào hộp thuốc « Craven A » bỏ luôn trong cặp.

Em cố giữ cái bút máy để dùng được hai ba năm như lời em đã hứa trước với bác em.



BÀI 15

Tả cái quạt máy

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái quạt máy của nhà em mua từ bao giờ ? Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

- a) Cái quạt máy bằng gì ? Hiệu gì ? Màu gì ?
- b) Các bộ-phận : Cánh quạt — Hộp đựng máy — Chân quạt ?
- c) Mở hay đóng quạt ?
- d) Ích-lợi ?
- e) Giữ-gìn ?

KẾT-LUẬN : Trời nóng-nực cần phải có cái quạt máy mới chịu nổi ?

BÀI LÀM

Nhà em ở vừa hẹp lại vừa đông người, nên mỗi buổi trưa cả nhà đều thấy bức-bối khó chịu lắm. Bởi vậy sáng qua cha em đã mua một chiếc quạt máy với giá hai ngàn đồng.

Cái quạt bằng sắt, cao độ năm mươi phân, sơn màu xanh lơ, trông thật dịu mắt. Ba cánh quạt bằng sắt mạ kền bóng

loáng lấp chành-chếch trước một cái hộp máy Cánh quạt đóng trong cái khung làm bằng que sắt uốn tròn. Cái khung lại bọc lưới sắt giữ cho cánh quạt khỏi bị chạm vào vật khác. Giữa trục cánh quạt nổi bật lên chữ « Lux », tên hiệu quạt. Trục cánh quạt nối liền vào đầu máy. Đầu máy tròn giống như nửa quả dưa hấu nhỏ, nối liền vào thân quạt. Thân quạt công cong dính liền vào cái đế hình bầu dục, khom-khom như mai rùa. Để quạt có cái khung đỡ qua đây lại để mở quạt. Quạt không mở, cái khuy ở số không. Em sẽ nhích lên số một là ba cánh quạt quay tí. Em sẽ vận cái nút ở đầu máy quạt quay được ba mặt.

Lúc giữa trưa, trời nóng như đốt, cánh quạt quay tí, gió thổi vù-vù, cả nhà ăn cơm cũng thấy ngon thêm. Sau bữa cơm trưa, mọi người nằm gần cái quạt đều ngủ được một giấc ngon lành.

Cái quạt máy ích-lợi như thế nên ngày nào em cũng lau chùi để cái quạt vừa sạch vừa bền. Cách một vài tháng em lại cho một tý dầu vào hộp máy để cánh quạt chạy êm. Cha em nói : « Ở nhà chật hẹp thế này mà không có cái quạt máy thì ăn không ngon, ngủ không yên ».



BÀI 16

Tả cái máy truyền-thanh

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cái máy truyền-thanh của nhà em đặt ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Cái máy truyền-thanh hình gì ? Dài, rộng, cao bao nhiêu ?
- b) Vỏ máy bằng gì ? Màu gì ?
- c) Mặt trước có những gì ?
- d) Lúc mở máy trông thấy gì ? Nghe thấy gì ?
- e) Nhà em hay mở máy vào lúc nào ? Người lớn ra nghe gì ? Trẻ nhỏ ra nghe gì ?
- g) Giữ-gìn.

KẾT-LUẬN : Có cái máy truyền-thanh cỡ nhỏ đều được giới-hí.

BÀI LÀM

Trên óc tủ chè đặt tại phòng khách, cha em để một chiếc máy truyền-thanh.

Đó là một cái hộp, dài độ bốn mươi phân, rộng độ hai mươi phân, cao độ hai mươi lăm phân.

Vỏ bằng nhựa, nhãn bóng, màu nâu sẫm. Mặt trước máy là miếng nhựa mỏng và trắng che bởi một mảnh vải xanh, đồ sặc-sỡ. Ngay giữa mảnh vải nổi lên chữ « Philip » bằng đồng bóng loáng. Phía dưới miếng vải là mặt kính hình chữ nhật, có ghi những số chỉ các dải. Dưới cũng có hai cái cúc nhựa màu trắng, xé đi nhích lại được.

Đến giờ ca-nhạc, em sẽ vận chiếc cúc bên trái, nghe đến « tách » một tiếng. Vải phất sau, ánh sáng đèn xanh lóc lên. Em sẽ vận chiếc cúc bên phải, xoay nhẹ cho chiếc kim chỉ đúng dải. Một giọng ca du-dương nổi lên, khi bổng khi trầm. Mỗi buổi tối hoặc ngày chủ nhật, em mở máy nghe. Khi mở đài « Sài-gòn », khi mở đài « quân đội ». Cha mẹ em thích nghe phần bình-luận thời-sự và ca-nhạc cổ điển. Đợt khi, cha em ngấu-nga ngắm lại bài thơ ở mục « Tao-dàn ». Trông người có vẻ vui-sướng lắm, tưởng chừng như người đã thông-cảm với tam-hồn của các cụ thi-sĩ đời xưa. Chùng em lại thích những ca-nhạc mới hoặc ca-nhạc ngoại-quốc. Em bé em lên năm tuổi bắt chước ca một vài câu trong ban nhạc « Quốc-Thăng ». Nó lại múa tay rún mình làm điện, khiến cho cả nhà vui cười.

Cha em và anh em giữ-gìn cái máy truyền-thanh đó rất cẩn-thận. Thỉnh-thoảng anh em lấy miếng giẻ mềm lau máy cho sạch bụi. Lau rồi lại phủ lên máy một cái khăn bằng ni-lông màu xanh, đỏ. Hôm nào có cơn dông, cha em không cho mở máy phát-thanh, sợ nó cháy đèn.

Có cái máy truyền-thanh để cả gia đình được giải-tải, vừa đỡ tốn tiền vừa khỏi phí thì giờ đi lại.



BÀI 17

Tả cái máy khâu

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Mẹ em mua cái máy khâu đã bao lâu ? Giá bao nhiêu ?

THÂN BÀI :

a) Cái máy khâu, hiệu gì ? Sơn màu gì ?

b) Các bộ-phận : Mặt bàn máy — Ngăn kéo — Chân thùng đựng đầu máy — Đầu máy — Dây da — Bàn đạp.

c) Lúc may quần-áo : Chân đạp vào bàn máy, máy chuyển, tiếng động.

d) Ích-lợi.

e) Giữ-gìn.

KẾT-LUẬN : Mẹ em quý cái máy khâu. Tại sao ?

BÀI LÂM

Đã bao lâu dành-dụng, đầu tháng vừa rồi, mẹ em mới mua nổi một chiếc máy khâu. Đó là chiếc máy khâu hiệu « Sincro », giá ba ngàn sáu trăm đồng.

Mặt bàn máy hình chữ nhật, dài độ chín mươi phân, rộng độ bốn mươi phân. Mặt bàn bằng gỗ đàn nhãn lý, sơn màu nâu sẫm bóng loáng. Ván gỗ nổi lên rất đẹp. Mẹ em mở nắp thùng đựng đầu máy như mở nắp hộp. Mẹ em thờ tay vào thùng nâng chiếc đầu máy lên mặt bàn. Đầu máy bằng thép sơn đen. Đầu máy có hai phần. Phần trên to bằng cái bắp chân người lớn, hình tròn và cong cong, có những cái móc để luồn kim, chỉ. Phần dưới gồm nhiều thoi sắt nhỏ dính vào nhau bởi những cái đinh ốc. Hai đầu bàn máy có hai cái chân cao độ sáu mươi phân. Liên với chân máy có một bánh xe lớn nối liền với trục máy bằng một sợi dây da tròn. Bánh xe ấy lại nối liền với bàn đạp bằng một thanh sắt tròn nhỏ bằng cái dũa.

Lúc may vá, mẹ em ngồi trên chiếc ghế đẩu, luồn mảnh vải dưới mũi kim. Hai chân người nhẹ-nhàng dậm xuống bàn đạp. Bánh xe quay làm trục máy quay theo. Tiếng máy kêu « sè-sè » đều đều ă-nhíp theo chiếc kim lên xuống. Mảnh vải xê-dịch trên mặt bàn máy, tay mẹ em dần dần mảnh vải theo như ý muốn. Mẹ em vừa làm vừa trông nồi nước sôi trong bếp, thế mà chỉ vài giờ sau đã may xong chiếc áo so-mi của em.

Có máy khâu đó, quần áo lót và áo cộc của cả nhà đều do mẹ em may hết. Một năm cũng đỡ tốn nhiều tiền công. Bởi vậy mẹ em giữ-gìn cái máy khâu rất cẩn-thận. Ngày nào mẹ em cũng lấy khăn lau máy khâu cho khỏi bụi bẩn. Cách vài tuần lễ người lại cho dầu mỡ vào máy để khỏi đi.

Thật mẹ em quý cái máy khâu chả khác gì cha em quý cái máy truyền-thanh.



TẢ CÂY CỎ

DÀN BÀI CHUNG

MỞ BÀI: Cây trồng ở đâu? Trồng đã lâu hay mới trồng? Ai trồng?
THÂN BÀI:

- Tả toàn-thể (thuộc về loại cây to).
- Các bộ phận: — Thân cây (cao bao nhiêu? to hay nhỏ — đứng thẳng hay dầy leo).
- Lá (bình — lá già, lá non — to hay nhỏ — nhiều hay ít — sắc)
- Nụ, hoa (bình-thể — sắc — hương) Nếu là cây hoa thì hoa phải tả tỉ mỉ hơn cây ăn quả.
- Quả (bình-thể — sắc — hương — vị) Nếu là cây ăn quả thì tả tỉ mỉ quả.
- Ích-lợi: Tùy theo, cây hoa thì nhấn mạnh vào hoa, cây ăn quả thì nhấn mạnh vào quả. Thêm vào ích-lợi của thân cây, lá.
- Sự chăm-nơi của người nhà em đối với cây.

KẾT-LUẬN: Cảm-tình lúc em đối với cây.
Cảm-tình đối với người trồng.

BÀI 18

Tả cây cam ở vườn nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI: Em trồng cây cam ở đâu?

THÂN BÀI

- Thân cây cao đó mấy thước? Thân cây thẳng hay eo? Vỏ cây thế nào? Sắc gì?
- Có mấy cành to? (Có nhiều nhánh, nhiều lá không?) Lá bình gì? Sắc gì? (lá già, lá non).

- Vào tháng nào nó ra hoa? Hoa thế nào? (to hay nhỏ?) Có mấy cánh? Sắc gì? Nhị sắc gì? Mùi hoa thơm thế nào? Mùa hoa, bướm bay lượn thế nào?
- Quả chín to bằng nào? Vỏ sắc gì? Mùi thơm thế nào?
- Quả cam chín vị thế nào? Mùi thơm ra sao? Lúc nào ăn cam thấy thú-vị?
- Quả cam thường dùng vào dịp nào?
- Trồng cam có lợi gì?

- KẾT-LUẬN:** a) Tại sao người ta thích trồng cam?
b) Người ta chăm-nom cây cam thế nào?

BÀI LÀM

Ai vào chơi vườn cây nhà em cũng phải tấm-tắc khen cây cam chanh, quả to và sai chiu-chít. Cây cam ấy chính tay cha em trồng đã sáu bảy năm nay.

Thân cây cao độ bốn thước, to bằng bắp chân người lớn. Thân cây không thẳng mấy, có lẽ vì nó nhiều cành quá. Vỏ cây nhẵn-nhẵn, chỗ thì xanh sẫm, chỗ thì xanh-xám. Có ba cành to xò ra mang không biết bao nhiêu nhánh nhỏ. Lá to và dầy, rậm um-tùm.

Vào khoảng cuối tháng tư sang đầu tháng năm âm-lịch, trên cành lá xanh um trở ra vô số những chùm hoa mọc dính sát nhau. Hoa cam nhỏ có năm cánh, màu trắng như bông, áp lấy những cái nhị nhỏ như sợi tóc, màu vàng nhạt. Cánh hoa rung động theo chiều gió, hương thơm phưng-phực.

Vào khoảng đầu tháng chạp ta, quả cam đã chín dần dần. Cành nào cũng nặng trĩu những quả to bằng nắm tay đứa trẻ lên ba. Quả cam chín vỏ vàng vàng, mùi thơm thoang thoảng. Bỏ quả cam chín, mùi vàng mong nước, vị ngọt như đường, ăn vừa ngọt, vừa thơm, vừa mát.

Sau bữa cơm, tráng miệng bằng mấy múi cam chanh, thật là thú vị. Trời nóng nực, đi dầu về, uống cốc nước cam tươi, tưởng chừng như tỉnh người ra, dễ chịu lắm. Người ốm nặng, thỉnh-thoảng hợp một chút nước cam tươi cũng đỡ một

Cùng lễ tổ-tiên hoặc biếu bà con, không gì quý bằng cam. Gần tết Nguyễn-dân âm-lịch, cha em để dành hẳn cây cam ấy để dùng quả. Thế mà mỗi năm bán vườn cam chín cũng được vài ngàn đồng.

Bởi vậy cha em chăm-chú vườn cam lắm. Cả buổi sáng, người lui-hùi ở vườn cam, hết bắt sâu, tỉa cành lại tưới cây.

BÀI 19

Tả cây dứa của nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Nhà em trồng dứa ở đâu ? Cây to nhất và nhiều quả nhất trồng ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Vỏ sắc gì ? Đốt thế nào ? Gốc thế nào ?
- b) Lá mọc ở đâu ? Nhiều hay ít ? Lá già thế nào ? Sắc gì ? Lá non thế nào ? Sắc gì ?
- c) Quả mọc thế nào ? Nhiều hay ít ? Quả thế nào ? (Vỏ nhãn to và nặng).
- d) Quả non nước ngọt và mát.
- e) Quả già cùi dày ăn bùi, nước ngọt.
- g) Ích-lợi : Cây dứa cho ta bóng mát — Quả để ăn — Cùi già để làm kẹo, để ép dầu.

KẾT-LUẬN : Ở nhà quê trồng nhiều dứa vì sao ?

BÀI LÀM

Chung-quanh ao nhà em trồng hàng chục cây dứa. Cây trồng bên cầu ao sai quả nhất. Cây dứa ấy cao tới hơn mười thước. Thân cây không to mấy, hơi ngã xuống phía mặt ao. Từ gốc đến ngọn có đến gần một trăm đốt, đốt nọ cách đốt kia độ một lác tấc. Vỏ cây ram-ráp, chỗ thì xam-xám, chỗ thì vàng vàng. Gốc cây có mấy cái rễ to ăn trôi lên mặt đất, ngồi lâu ngày, nhãn lý đi chẳng khác gì cái ghế gỗ. Những lúc lặn mặt trời hoặc những tối sáng trăng em thường ngồi đó câu cá lấy làm thích lắm.

Lá dứa mọc tua-tua ở ngọn cây. Tàu lá dứa giống tàu lá cau, dài đến hai thước. Cuống lá cứng, cạnh lá sắc. Tàu lá dứa dai lắm, già ứa vàng ra mà cũng không rụng. Chót-vót trên ngọn cây, vài tàu lá non xanh nhạt còn cuộn tròn, chọc thẳng lên trời như ngọn giáo.

Ở kẻ lá cao chót-vót, lũng-lảng những chùm dứa non. Quả dứa to bằng cái danh tích, vỏ nhẵn thín, màu xanh biếc. Có chùm sai đến sáu bảy quả thật to, nặng trĩu xuống, mà giò lớn mấy cũng không rụng.

Bỏ quả dứa non ra, nước vừa ngọt vừa mát. Cùi non mềm như bún, ngon-ngọt, bùi-bùi, thơm-thơm. Trời nóng-bức, uống một cốc nước dứa non, thấy mát rượi, dễ chịu lắm. Bởi vậy, về mùa nóng, quả dứa non bán bao nhiêu cũng hết. Quả dứa già, nước ít mà ngọt thêm, cùi dày và bùi thêm. Cùi dứa già còn dùng làm kẹo. Dầu ép bằng cùi dứa ăn béo và thơm.

Cây dứa trồng chung-quanh ao, vừa lấy bóng mát vừa giữ cho bờ ao khỏi lở. Bởi vậy tục-ngữ có câu « thiếu đất trồng dứa ».

Ở miền đồng quê, dứa trồng hàng rừng, vì trồng dứa không tốn công mấy mà hưởng lợi lâu năm.



BÀI 20

Tả cây mít

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Cây mít em thấy trồng ở chỗ nào ? Trồng đã lâu chưa ? Do ai trồng ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Vỏ thế nào ? Sắc gì ? Gốc thế nào ?
- b) Có mấy cành to ? Cành xò ra thế nào ? Cành to bằng nào ? Dài độ mấy thước ?
- c) Lá nhiều hay ít ? To bằng nào ? Dầy hay mỏng ? Là già sắc gì ? Lá già thì sao ?
- d) Cây mít có hoa như cây khác không ?
- e) Quả to thế nào ? Vỏ thế nào ? Lúc chín già thì vỏ thế nào ? Sắc gì ? Mùi gì ?

9) Ích-lợi : Quả mít ăn ngon và thơm ? Quả để ăn để lễ bái.
Hạt mít ăn bùi. Lá mít để lót sân lễ Phật, gõ mít tốt.

KẾT-LUẬN : Nhờ quê trồng mít nhiều. Tại sao ? (Mít sống lâu năm.
Quả mít sai và ngon, ít tốn công.)

BÀI LÂM

Sáng mồng một tháng sáu ta vừa rời, em theo bà em ra chùa lễ Phật. Gần cổng chùa có một cây mít cò-thụ to lắm.

Cây mít cao đến hơn mười thước. Thân cây không thẳng mấy, vì lúc cây còn non, cành nó hay bị gãy. Cành gãy thân cây lại trồi ra một cái tật. Gốc cây to lắm, em vòng hai cánh tay ôm vừa hết. Vỏ cây sần-sùi, mốc-meo, chỗ rêu đen, chỗ xam-xám, chỗ trắng-trắng. Có ba cành to và dài, mang bao nhiêu là cành, nhánh (cành) nhỏ. Lá rậm um-tùm, xò ra từ phía. Lá to bằng bàn tay em, dày và cứng, xanh mơn-mớn. Lá già úa vàng. Gặp cơn gió thổi, lá mít đập vào nhau rào-rào, là già rụng xuống, vàng loe khắp gốc cây.

Đạo ấy là mùa mít chín. Trên cành cây lủng-lẳng ba bốn chục quả, quả thì bằng cái danh tích, quả thì bằng quả bi dao. Vỏ quả dày những gai sù-sù. Quả chín vỏ căng nứt ra, màu vàng nhạt. Người ta cắt quả xuống, phơi nắng vài hôm, quả chín rừ là ăn ngon. Bỏ quả mít ra, mùi vàng ngây, đầy nước đường thơm phức. Có quả to bỏ ra, bóc vỏ và sơ vứt đi, cũng còn lưng rá múi. Mỗi múi có một hạt, hạt luộc chín ăn bùi, chúng em thích lắm.

Mít là thứ quả cây qui nhất để lễ Phật. Lá mít nhà chùa dùng in oản. Gõ mít sắc vàng, nhẹ nhõm và bền lâu dùng để tuyền đồ thờ.

Ở nhà quê, nhà nào cũng trồng mấy cây mít. Quả mít to, bở một quả chín, cả nhà tha-hồ ăn. Một cây mít, hết mùa quả chín, cũng bán được hơn ngàn đồng. Cây mít sống được ngót một trăm năm là thường. Đời ông trồng cây đến đời cháu còn được ăn quả.

*

BÀI 21

Tả cây bàng ở sân trường em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em trông thấy cây bàng ở đâu ?

THÂN BÀI :

- a) Thân cây — Gốc — Vỏ — Cành — Lá — Quả.
- b) Chim đậu trên cành.
- c) Trẻ chơi dưới gốc.
- d) Lá cây có ích : để nhuộm, để thổi.

KẾT-LUẬN : Em quý cây bàng ấy vì sao ?

BÀI LÂM

Gần cổng trường em, vươn lên một cây bàng cò-thụ.

Thân cây thẳng cao tới hơn hai chục thước. Vỏ cây sần-sùi, chỗ thì mốc-meo đen xỉ, chỗ thì xam-xám, chỗ thì trắng-trắng, chỗ thì xanh-xanh. Một vài chỗ vỏ long ra, to bằng cái bàn tay, trông thô-kịch lắm. Gốc cây to lắm, em vòng cánh tay ôm, chỉ được nửa thân cây. Cách mặt đất độ tám chín thước, ba cành to xò ra, những cành ấy cũng to bằng cây nhỏ, mang bao nhiêu là cành nhỏ, lá rậm um-tùm. Lá nó to bằng bàn tay người lớn, rộng và dày, màu xanh tươi. Cành lá xanh ròn, điềm những chùm quả chín vàng nhạt, to bằng quả trứng gà. Những quả bàng dòn-dốt, ngòn-ngọt là những món ăn thú-vị của những con sáo. Chúng đến đây tụ-hợp, vừa ăn quả chín vừa hút riu-rit. Trước ngọn gió, những lá già vàng úa rụng xuống gốc cây lộp-độp.

Dưới gốc cây, một bà già bán thuốc lá và một xe nước mía bán hàng cả ngày. Nhờ có cái bóng cây râm mát mà quán hàng thiên-nhiên của họ được đông khách ra vào. Chúng em thường tụ-hợp ở đây nghỉ mát trước giờ vào lớp. Nhân dịp cũng mở các trò giải-trí chọc lát : đánh bi, đánh vù, nhẩy dây... Một bà cụ già ở gần đây, chiều chiều quét lá rụng về đun bếp.

Không biết cây bàng ấy trồng từ đời nào, đã bao nhiêu người được nhờ bóng mát trong những lúc nắng như lửa đốt. Có ai đã nghĩ đến ơn người trồng cây đó chưa ?

BÀI 22

Tả cây chuối ở vườn nhà em

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em trông thấy vườn chuối ở đâu ? Chuối ấy là chuối gì ?
THÂN BÀI :

- a) Thân cây cao độ mấy thước ? Vỏ cây thế nào ? Sắc gì ?
- b) Lá mọc ở đâu ? Nhiều hay ít ? Lá to hay nhỏ ? Dài rộng độ bao nhiêu ? Lá già sắc gì ? Tại sao lá già hay rách ? Lá non mọc thế nào ? Lá non sắc gì ? Giống cái gì ?
- c) Hoa chuối mọc ở chỗ nào ? Hoa hình thế nào ? Sắc gì ? Trong bắp có gì ? Hình gì ? Sắc gì ?
- d) Quả mọc thế nào ? Mỗi hàng chuối có mấy bẹ ? Quả chuối chín sắc thế nào ? Mùi thơm thế nào ? Chặt trên cây xuống độ mấy hôm thì ăn được ?
- e) Chuối chín ăn có lợi gì ? Khi nào thường ăn chuối ? Người ta còn dùng chuối chín để làm gì ?
- g) Cây chuối, lá chuối dùng làm gì ?

KẾT-LUẬN : Nhà quê nhà nào cũng trồng chuối ? Tại sao ? (để trồng — nhiều quả — thường có chuối để ăn và bán được nhiều tiền)

BÀI LÀM

Ở nhà quê vườn nào cũng trồng nhiều chuối. Chuối có thích ăn chuối tiêu nhất.

Cây chuối tiêu cao độ bốn thước. Vỏ cây nhẵn thín, chỗ thì trắng ngà-ngà, chỗ thì xanh-xanh, chỗ thì tím-tím. Trên ngọn cây có bảy tám tàu lá. Lá chuối vừa dài vừa rộng. Chính giữa tàu lá có cái cuống to và cứng. Lá chuối to và mỏng. Có cơn gió mạnh, lá chuối đập vào nhau xào-xạc nghe thật là buồn. Ngọn cây có một tàu lá non cuộn tròn, trắng nõn trông như cuộn lụa. Chuối trồng độ một năm đã có hoa. Hoa nó to bằng cái chai lít, ngoài bọc nhiều bẹ màu tím. Độ một tuần lễ, bẹ héo để lộ những quả non bé bằng ngón tay, màu xanh nhạt. Chừng một tháng sau buồng chuối lủng-lẳng ngang thân cây. Người ta ngắt cái hoa đi để những quả chuối chóng lớn. Ít lâu quả chuối già, to bằng cái chuối dao, vỏ căng

ra là sắp chín. Những quả chuối chín vỏ vàng nhạt thơm thoang-thoảng. Chuối tiêu chín dỏm trắng cuốc, ăn vừa ngọt, vừa thơm vừa bở. Ăn cơm xong mà trắng miệng bằng vài quả chuối tiêu chín thì thật thú-vị. Chuối là thứ quả thường dùng nhiều nhất. Quả chuối dễ rụng lê và dễ ăn. Chuối chín còn ướp đường làm kẹo ăn cũng tốt. Lá chuối để gói bánh. Thân cây và củ dễ nuôi lợn. Trồng chuối chưa đầy một năm đã được ăn quả, nên có nơi trồng hàng rừng chuối. Nhà nào trồng độ một mẫu chuối, mỗi năm cũng bán được nhiều tiền.



BÀI 23

Tả cây vú sữa

DÀN BÀI

MỞ BÀI : Em trông thấy cây vú sữa ở đâu ?
THÂN BÀI :

- a) Thân cây — Vỏ — Cành — Lá — Hoa.
 - b) Quả chín (sắc, hương, vị).
 - c) Ích-lợi : Quả để ăn, bán được nhiều tiền ?
- KẾT-LUẬN :** Bà em quý cây vú sữa.
Giữ-gìn thế nào ?

BÀI LÀM

Chủ-nhật vừa qua, em theo cha mẹ em về quê thăm ông bà ngoại. Trong vườn trông thật nhiều vú sữa. Gần cổng vườn có một cây vú sữa to, quả sai chi-chít.

Thân cây thẳng và cao tới bảy tám thước. Vỏ cây nhẵn-nhăn, xanh nhạt và xam-xám. Có bốn cành to xò ra từ phía, mang vỏ sô cành con. Lá tươi tốt um-tùm phủ đầy cành. Lá mềm-mại xanh rờn. Mặt dưới lá ram-ráp màu hung-hung đỏ.

Vào khoảng tháng tám âm-lịch hoa nở đầy cành. Cành hoa dài, trắng như bông, nhị hoa vàng nhạt, thơm thoang-thoảng. Cuối năm âm-lịch, quả chín nặng trĩu đầy cành. Quả chín, to bằng cái bát, màu tím-tím hoặc vàng nhạt. Bỏ ra, bết nó trắng như sữa loãng, đông như mỡ đặc, vị ngọt và mát. Các cụ già và trẻ nhỏ thích ăn vú sữa. Quả vú sữa chín thường dùng để cúng lễ.